

## THÀNH QUẢNG BÌNH - DI TÍCH LỊCH SỬ, KIẾN TRÚC CẤP QUỐC GIA

NGUYỄN VIỆT MẠCH

**T**hành cổ của các tỉnh trên cả nước phần lớn được xây dựng vào thời Nguyễn. Sau mấy trăm năm, trải qua các cuộc chiến tranh tàn phá, hiện nay thành cổ của tỉnh Quảng Bình chỉ còn lại rất ít, đó là thành Sơn Tây và thành Quảng Bình. Thành Sơn Tây cũng như thành Quảng Bình trở thành Di tích Lịch sử văn hóa và Kiến trúc cấp Quốc gia. Qua nghiên cứu sách cổ và ghi chép thực tế 50 năm lại đây, bài viết này xin được cung cấp một số tư liệu về lịch sử hình thành và xây dựng thành Quảng Bình.

Năm 1560, chúa Tiên Nguyễn Hoàng đặt đồn cửa biển Nhật Lệ trên đất Động Hải (tại thành Quảng Bình ngày nay) để đề phòng quân Mạc vào cướp. Thời ấy thành chỉ đắp bằng đất. Đây là khởi sự đầu cho việc đắp lũy Trấn Ninh và thành Quảng Bình sau này.

Tháng 9 năm 1662, hai danh tướng Nguyễn Hữu Tiên và Nguyễn Hữu Dật xin chúa cho đắp lũy Trấn Ninh đi gần phía tây đồn Nhật Lệ. Vua thuận cho. Hai tướng huy động quân dân đắp vài tháng thì xong. Lũy Trấn Ninh án ngữ phía tây đồn Nhật Lệ, đổi tên đồn Nhật Lệ là đồn Động Hải và tu bổ thêm làm cho đồn Động Hải trở thành một căn cứ quân sự mạnh án ngữ vùng địa đầu xứ Đàng Trong.

Trong 45 năm chiến tranh Trịnh - Nguyễn (1627-1672) đại quân Trịnh 3 lần tấn công quân Nguyễn (1633, 1648, 1662), nhờ có lũy và thành vững chắc, quân Nguyễn đã đánh cho đại quân Trịnh thảm bại.

Tháng 4 năm Canh Dần (1710), chúa Nguyễn Phúc Chu đi đến lũy Sa Phụ xem khắp

pháo đài, lên thành Trấn Ninh nói đến chuyện cũ năm Nhâm Tý Nguyễn Hữu Dật đánh nhau với quân Trịnh. Chúa xem khắp chiến địa, nức nở khen ngợi hồi lâu về việc quan quân ở đây củng cố chiến lũy, bố phòng đồn binh rồi ban thưởng cho quân sĩ theo thứ bậc.

Năm 1774, tướng Hoàng Ngũ Phúc của họ Trịnh chiếm được đồn Động Hải của nhà Nguyễn, đổi làm đồn Động Hải của chúa Trịnh. Tháng 11 năm Bính Thân (1776), chúa Trịnh Sâm sai tướng Ngô Phúc Oánh làm Lưu thủ đồn Động Hải. Ngô Phúc Oánh sai quân sĩ đắp tôn cao thành lũy lần nữa.

Tháng 6 năm 1786, Nguyễn Huệ chỉ huy tiến quân ra Thuận Hóa đánh tan quân Trịnh. Sau đó tiến ra chiếm lấy đồn Động Hải, lũy Nhật Lệ, lũy Trấn Ninh rồi tiến ra Thăng Long đánh tan tập đoàn “vua Lê - chúa Trịnh”. Một lần nữa Nguyễn Huệ cho củng cố sức mạnh đồn Động Hải và hệ thống lũy Đào Duy Từ, chuẩn bị làm bàn đạp tiến ra Bắc đánh quân xâm lược nhà Thanh.

Ngày Giáp Tý, tháng 5 năm Đinh Mão (1807), vua Gia Long cho dựng Hành cung Quảng Bình trong nội thành. (Hành cung tức là cung dành riêng cho vua ở mỗi khi vi hành đến đây).

Canh Ngọ - Gia Long năm thứ 9 (1810), ngày Đinh Dậu, tháng 4: Vua xa giá ra Quảng Bình xem làm sở lý của dinh. Nguyễn Du cai bạ Quảng Bình<sup>(\*)</sup> thưa: “Dùng sức dân nên đắp dè xén, đắp đất đai sai dân làm thì được, còn xây dựng sảnh thự thì sai binh lính làm”. Vua sai Bộ Hộ thưởng cho những người ứng dịch

xây công dinh của tỉnh.

Trong thời gian làm Cai bạ Quảng Bình (1809-1913), Đại thi hào Nguyễn Du viết về thành Quảng Bình trong thơ chữ Hán của mình, đã được các nhà Hán học dịch như sau:

Chiều tuôn mây ngút những cô thành  
Cỏ biếc tràn lan tận biển xanh  
Nội quanh chôn đầy xương bạc mệnh  
Quê người gửi tạm kiếp phù vinh.

Nguyễn Du thả hồn tưởng nhớ hàng vạn quân sĩ Trịnh - Nguyễn đã chết trận ở Động Hải và vùng chung quanh trong thời gian Trịnh - Nguyễn chiến tranh (1627-1672) qua bài thơ ấy.

Tân Mùi - Gia Long thứ 10 (năm 1811), tháng 6 vua sai Phó tướng Trần Quang Thái đốc suất quân ứng dịch đắp tôn cao thành đất Quảng Bình.

Thành tỉnh Quảng Bình có chu vi 469 trượng linh (1.842m), cao 1 trượng (4m), móng dày 2m, mặt thành 1,35m, mở 3 cửa, hào rộng 4 trượng (gần 16m), ở địa phận 2 xã Động Hải và Phú Ninh huyện Phong Lộc (tức là Hải Đình và Đồng Phú hiện nay).

Bản triều năm Gia Long thứ 10 (1811), vua cho bỏ đồn, dựng làm dinh, thành đắp đất được tôn cao thêm. Năm Minh Mệnh thứ 5 (1824), vua nhờ một sĩ quan người Pháp là Olivier de Vauban thiết kế lại thành Quảng Bình theo kiểu kiến trúc thành quân sự của Pháp, gọi là kiến trúc kiểu Vauban. Thành có kiến trúc 4 góc thành có hình cạnh quả khế. Trên mỗi góc thành có hình cạnh quả khế nhô ra, cho đặt bột gác có thể nhìn rõ phía ngoài tường thành không sót chỗ nào. Theo thiết kế này, vua cho

xây thành bằng đá và gạch (tức là móng xây đá, tường xây gạch)<sup>(\*\*)</sup>. Trên 3 cổng thành có vọng gác 8 mái. Từ cổng ra ngoài có cầu xây bằng gạch cuốn vòm. Loại gạch xây ở đây bằng đất nung cỡ 30cm x 15cm x 6cm. Năm 1824, khi cho xây dựng Quảng Bình Quan và thành Quảng Bình (năm 1939 khi thành lập thị xã Đồng Hới được gọi là thành Đồng Hới), triều đình Minh Mệnh, giao cho làng Mỹ Cương (làng có sẵn nghề nung gốm và gạch ngói từ lâu) cung cấp đầy đủ loại gạch đặc biệt này.

Ngày Đinh Sửu, tháng Giêng năm Nhâm Dần (1842), vua Thiệu Trị ngự giá vào Hành cung tỉnh Quảng Bình. Vua lên thành xem xét hồi lâu, bảo Bộ Chính Nguyễn Tự rằng: “Đây



Cổng Thành Đồng Hới năm 1919

Ảnh: **V.M**

là một chỗ thiên hiểm, xung yếu của nam, bắc, hộ vệ cho Kinh thành, dù núi non xưa và cửa Hàm<sup>(1)</sup> hộ vệ đất Trường An<sup>(2)</sup>, Tân Thành<sup>(3)</sup> chống giữ chỗ sa mạc khi xưa chẳng qua cũng chỉ hiểm đến thế. Nếu thành này có sụt lở thì phải sửa chữa ngay...”. Rồi vua dụ Bộ Công rằng: “Một dải trường lũy, trên tiếp núi Đầu Mâu, dưới đến tận bờ biển. Liệt thánh ta trước

đây mưu sâu, tính xa, gia công xây dựng. Thánh tổ Nhân Hoàng đế ta lại sửa sang thêm làm cho vĩnh viễn thành bờ cõi vững vàng. Về xưởng súng ở trên thành nên theo cách thức Kinh thành mà làm”. Vua lại nói: “Việc đắp ra trường lũy bắt đầu từ Hiếu văn Hoàng đế ấy. Sau, Thái tông Hiếu Hoàng đế ta 2 lần đánh được quân Bắc và Thế tổ Cao Hoàng đế ta lại đánh thắng giặc Bắc đều ở chỗ này. Nên đặt tên cho hệ thống lũy Đầu Mâu - Nhật Lệ là “Định Bắc trường thành” để cho danh nghĩa được chính đáng”<sup>(\*\*\*)</sup>.

Khi còn là thành của đồn binh, rồi dinh thành, thành có 3 cửa: cửa Tả ở phía Nam, của Hữu ở phía Bắc và của Hậu ở phía Đông. Thời chiến tranh Trịnh - Nguyễn, cửa thành đóng bằng gỗ rất kiên cố. Từ thời Gia Long cửa thành không có cánh cửa đóng mở mà có lính gác. Từ năm 1919, thực dân Pháp cho mở “Đường thuộc địa số 1” (đường Quốc lộ 1A hiện nay) theo tiêu chuẩn đường cấp 5 đồng bằng, đường đi xuyên qua 2 cửa Tả - Hữu thành Đồng Hới thì cửa thành không còn lính gác nữa, lính gác từng công sở riêng biệt; cầu đi ở 2 cửa Tả, Hữu cũng được xây lại cho xe vận tải đi. Cũng từ năm 1919, các cơ quan cấp tỉnh, đồn binh của Pháp đóng trong nội thành. Năm 1939, thành lập thị xã Đồng Hới các cơ quan cấp tỉnh đóng trong nội thành ngày càng nhiều. Sau ngày Quảng Bình giải phóng 18/8/1954, các cơ quan cấp tỉnh của Đảng và Nhà nước ta cũng đóng trụ sở ở nội thành. Từ năm 1965-1968, giặc Mỹ ném bom bắn phá, thành Đồng Hới bị đổ vỡ lờm chờm khá nhiều, nhất là nửa vòng thành phía Đông. Tỉnh ủy, UBND tỉnh Quảng Bình cho lấy gạch đá đổ vỡ của thành làm ngàm Cầu Dài cho xe vận tải chuyển hàng chi viện tiền tuyến miền Nam. Từ năm 2007-2010, UBND tỉnh Quảng Bình đầu tư vốn ngân sách trùng tu lại những mảng

thành bị bom phá ở nửa vòng thành phía Tây và móng thành phía Đông, xây kè hào thành theo kích thước ngày xưa. Xung quanh thành làm đường du lịch.

Từ tháng 7 năm 1989 đến nay, trong thành Quảng Bình là nơi đóng trụ sở của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, một số cơ quan cấp tỉnh, bảo tàng, sân vận động, quảng trường...

Tại quảng trường - sân vận động trong thành Đồng Hới đã diễn ra hàng chục sự kiện lịch sử - văn hóa trọng đại của tỉnh Quảng Bình. Hai sự kiện quan trọng nhất là cuộc Tổng khởi nghĩa lật đổ chính quyền thân Nhật, giành chính quyền về tay nhân dân ngày 23/8/1945 và cán bộ, nhân dân Quảng Bình - Vĩnh Linh đón Bác Hồ vào thăm ngày 16/6/1957.

Trong nội thành và xung quanh thành đã diễn ra hàng chục sự kiện trọng đại của tỉnh và cả nước. Thành Quảng Bình cũng là thành Đồng Hới ở phường Hải Đình là Di tích Lịch sử và Kiến trúc cấp Quốc gia<sup>(4)</sup>, là nơi sinh hoạt chính trị văn hóa của tỉnh Quảng Bình, của thành phố Đồng Hới, của phường Hải Đình và sẽ là một điểm du lịch trứ danh của cả nước ■

#### **Ghi chú:**

(\*). Nguyễn Du làm cai bạ Quảng Bình từ năm 1809 đến 1812, Tài liệu tuyên truyền của Ban Tuyên giáo Trung ương.

(\*\*). Trang 14, tập 2, sách “Đại Nam nhất thống chí”, Nxb Thuận Hóa, 1992.

(\*\*\*). Trang 292-293, đệ tam kỹ sách “Thực lục về Hiếu tổ Chương Hoàng đế - Đại Nam thực lục”, tập 6, Nxb Giáo dục, 2007.

1. Tức là Hào Sơn và Tam Cốc quan đời Tần - Trung Quốc - cho là 2 nơi rất hiểm.

2. Đất huyện Trường An thuộc tỉnh Thiểm Tây - Trung Quốc bây giờ.

3. Tần thành tức là Vạn Lý trường thành do Tần Thủy Hoàng đắp.

4. Quyết định số 97/QĐ ngày 21/1/1992 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin.